



Bài báo nghiên cứu

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ PHỤC VỤ DU LỊCH Ở THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Trương Trí Thông

Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Trương Trí Thông – Email: ttthong@kcg.edu.vn

Ngày nhận bài: 05-5-2021; ngày nhận bài sửa: 22-6-2021; ngày duyệt đăng: 21-7-2021

TÓM TẮT

Thành phố (TP) Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có nhiều làng nghề độc đáo thích hợp phát triển du lịch làng nghề. Thế nhưng, để phát triển làng nghề phục vụ du lịch (PVDL) hiệu quả, cần xác định các nhân tố ảnh hưởng, từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp để phát triển làng nghề. Bài viết này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Kết quả cho thấy có 8 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc theo thứ tự giảm dần là: nguồn nhân lực, vệ sinh môi trường, an toàn và an ninh, sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung, cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ và sản phẩm, cơ sở vật chất kỹ thuật, sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết minh viên. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc trong tương lai.

Từ khóa: du lịch làng nghề; thành phố Phú Quốc; làng nghề truyền thống; tỉnh Kiên Giang

1. Đặt vấn đề

Theo Tổ chức Du lịch thế giới, việc kết hợp nghề thủ công và làng nghề với du lịch là tiềm năng to lớn trong phát triển du lịch ở hầu hết các quốc gia (UNWTO, 2006). Theo Vũ Thế Bình, làng nghề truyền thống đã và đang trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển du lịch ở Việt Nam (Institute for Tourism Development Research, 2019); đồng thời, sản phẩm du lịch tham quan làng nghề được định hướng là một trong những sản phẩm du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Prime Minister, 2016).

Thành phố Phú Quốc tỉnh Kiên Giang có nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển đảo, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa với các khu bảo tồn, vườn quốc gia, di tích lịch sử – văn hóa và nhiều hòn đảo, bãi biển đẹp. Ngoài những lợi thế về tài nguyên du lịch nêu trên, nghề và làng nghề, đặc biệt là làng nghề truyền thống nơi đây cũng đang thu hút du khách trong và ngoài nước. Do đó, trong “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” có định hướng sản phẩm du lịch với các loại hình trong đó có làng nghề, và Phú Quốc cũng được xác định là không gian phát triển sản phẩm

Cite this article as: Trương Trí Thông (2021). Factors influencing the handicraft development for tourism in Phu Quoc City, Kien Giang Province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(7), 1265-1276.

du lịch này (Committee of Kien Giang Province, 2012). Các làng nghề ở Phú Quốc bao gồm: làng nghề truyền thống làm nước mắm, làng nghề làm rượu sim, làng nghề trồng hồ tiêu, làng nghề nuôi ngọc trai (Phan & Vo, 2018; Lam, 2018). Mặc dù các làng nghề PVDL ở Phú Quốc trong thời gian qua có nhiều chuyển biến khả quan, thu hút khách du lịch đến tham quan và mua sản phẩm, nhưng việc phát triển làng nghề PVDL ở nơi đây vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế, như: các sản phẩm còn nghèo nàn, vấn đề vệ sinh môi trường ở làng nghề chưa đảm bảo, nguồn khách chưa ổn định, hoạt động còn mang tính tự phát... Do đó, để phát triển tốt và nâng cao chất lượng làng nghề nhằm thu hút du khách cũng như tăng khả năng truyền miệng và quay lại ở những lần tiếp theo của họ, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang là rất cần thiết. Nội dung nghiên cứu gồm: 1) phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc; và (2) đề xuất giải pháp nhằm phát triển hiệu quả làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

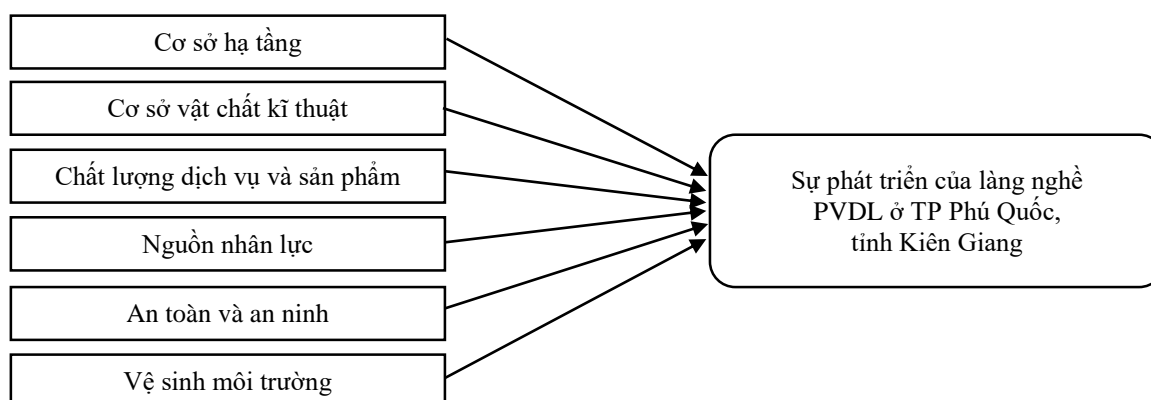
2.1.1. Cơ sở lý thuyết

Du lịch làng nghề (DLLN) được hình thành dựa trên mối liên kết giữa ba đối tượng: Làng nghề – chủ thể cung ứng sản phẩm du lịch – đối tượng sử dụng sản phẩm DLLN (Le, 2016). Du lịch làng nghề là loại hình du lịch diễn ra tại các làng nghề đang hoạt động sản xuất các sản phẩm truyền thống nhằm mục đích tham quan, tìm hiểu các giá trị văn hóa và quy trình sản xuất; đây là một hoạt động mang lại lợi ích về nhiều mặt cho làng nghề như nâng cao, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân và góp phần bảo tồn làng nghề cũng như các giá trị văn hóa đặc trưng của địa phương (Truong & Ly, 2018). Như vậy, DLLN là một loại hình du lịch văn hóa được khai thác với mục đích phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí, nghiên cứu tìm hiểu văn hóa hoặc quá trình sản xuất sản phẩm làng nghề. Qua đó, ngoài việc du khách đến tham quan, trải nghiệm du lịch còn thẩm nhận các giá trị văn hóa vật thể lẫn phi vật thể có liên quan mật thiết đến một làng nghề của một dân tộc nào đó.

Để phát triển DLLN thì cần có các điều kiện về (1) giá trị văn hóa làng nghề: công nghệ và kỹ thuật sản xuất; (2) giá trị lịch sử làng nghề: yếu tố tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, cảnh quan thiên nhiên; và (3) mức độ tham gia của cộng đồng: sự trải nghiệm quá trình sản xuất, mua sắm sản phẩm thủ công, thuyết minh cho du khách (Hoang et al., 2008). Bên cạnh đó, DLLN cần phải chú trọng đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển như mức độ hấp dẫn, cơ sở hạ tầng, mức độ an toàn, mức độ bền vững và quy mô (Mai, 2013), cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ và sản phẩm, an toàn – an ninh và vệ sinh môi trường, nguồn nhân lực (Truong & Ly, 2018). Đồng thời, sự mong đợi và cảm nhận của du khách đối với DLLN cũng ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và tồn tại của nó, bao gồm giá cả hợp lý, chất liệu sản phẩm, sự thân thiện của người dân, giá trị lịch sử của làng nghề, sự trải nghiệm về nền văn hóa độc đáo (Tapachai & Waryszak, 2000; dẫn theo Hengky, 2015).

Phát triển làng nghề gắn kết PVDL, đặc biệt là các làng nghề truyền thống có sức đóng góp to lớn vào nền kinh tế và xã hội ở địa phương như giúp các làng nghề khôi phục và phát triển các giá trị văn hóa dân gian, tạo dựng môi trường du lịch văn hóa, đồng thời giúp cải thiện tốt hơn kết cấu hạ tầng đi kèm với việc bảo vệ môi trường tại làng nghề (Lam, 2018), tạo nhiều cơ hội việc làm và đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu của các quốc gia thông qua bán hàng thủ công mỹ nghệ cho khách du lịch (Binns & Nel, 2002; dẫn theo Benson, 2014). Chính vì vậy, phát triển du lịch gắn kết với làng nghề đã và đang được quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới và cả Việt Nam. Theo Akhal và cộng sự (2008), trải nghiệm “nghề thủ công” là một phần không thể tách rời trong hành trình của du khách, nó thể hiện truyền thống văn hóa của địa phương và cư dân bản địa, chúng cũng tượng trưng cho những điểm du lịch mà du khách đến, những trải nghiệm của họ và sản phẩm thủ công đó còn là một món quà lưu niệm có giá trị cho bạn bè và người thân (dẫn theo Mustafa, 2011).

Từ những điều kiện, yếu tố ảnh hưởng, sự mong đợi và cảm nhận của du khách đối với DLLN, mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được xây dựng, bao gồm 06 thang đo (xem Hình 1, Bảng 1).



Hình 1. Sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Nguồn: Tác giả, 2020

Bảng 1. Tổng hợp nguồn nhân tố của nghiên cứu

STT	Nhân tố	Nguồn
1	Cơ sở hạ tầng (CSHT)	Mai (2013), Trương, & Ly (2018)
2	Cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT)	Trương, & Ly (2018)
3	Chất lượng dịch vụ và sản phẩm (CLDVSP)	Chau và <i>ctv.</i> (2008), Trương, & Ly (2018), Tapachai và Waryszak (2000; trích bởi Hengky, 2015)
4	Nguồn nhân lực (NNL)	Chau và <i>ctv.</i> (2008), Trương & Ly (2018), Tapachai và Waryszak (2000; trích bởi Hengky, 2015)
5	An toàn và an ninh (ATAN)	Mai (2013), Trương & Ly (2018)
6	Vệ sinh môi trường (VSMT)	Trương & Ly (2018)

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

2.1.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp của nghiên cứu được thu thập từ sách, báo cáo, các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có liên quan đến làng nghề và DLLN. Từ các dữ liệu thu thập được, nhóm nghiên cứu phân tích, đánh giá và tổng hợp nhằm kế thừa thông tin phục vụ cho việc xây dựng mô hình nghiên cứu.

2.1.3. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn du khách thông qua bảng hỏi với kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện. Số lượng được phỏng vấn là 160 du khách nội địa đang thực hiện chuyến du lịch tại các điểm làng nghề ở Phú Quốc, bao gồm: làng nghề truyền thống nước mắm, làng nghề sản xuất rượu sim, làng nghề trồng hồ tiêu và làng nghề nuôi ngọc trai. Tuy nhiên, trong đó có 5 phiếu khảo sát bị loại bỏ do không đầy đủ thông tin, như vậy còn lại tổng cộng 155 mẫu. Thời gian phỏng vấn từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2020. Dữ liệu nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 với các kỹ thuật phân tích: thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc

Kết quả đánh giá độ tin cậy của 6 thang đo có hệ số Cronbach's α đều trên 0,7 và tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh $\geq 0,3$ (xem Bảng 2). Đồng thời, sau khi kiểm định KMO và Bartlett, KMO = 0,841 và Sig. = 0,000 (Hoang & Chu, 2008). Như vậy, tất cả các biến quan sát đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 2. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo

Thang đo	Số biến	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh
Cơ sở hạ tầng	5	0,820	0,492 → 0,714
Cơ sở vật chất kỹ thuật	4	0,817	0,542 → 0,706
Chất lượng dịch vụ và sản phẩm	6	0,800	0,434 → 0,682
Con người	7	0,820	0,304 → 0,757
An toàn và an ninh	4	0,850	0,617 → 0,758
Vệ sinh môi trường	4	0,829	0,611 → 0,724

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2020, n=155

Dựa vào bảng ma trận nhân tố xoay ta có thể kết luận, có 08 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc (xem Bảng 3).

Bảng 3. Ma trận điểm số nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố							
	1	2	3	4	5	6	7	8
NNL4	0,298							
NNL3	0,265							
NNL5	0,251							
NNL2	0,262							
NNL1	0,152							

VSMT1	0,363	
VSMT2	0,350	
VSMT3	0,284	
VSMT4	0,251	
CLDVSP5	0,357	
CLDVSP4	0,354	
CLDVSP6	0,276	
CLDVSP3	0,163	
CLDVSP1	0,245	
ATAN3	0,415	
ATAN2	0,351	
ATAN1	0,300	
ATAN4	0,204	
CSHT2	0,423	
CSHT1	0,427	
CSHT3	0,356	
CSVCKT1	0,398	
CSHT5	0,376	
CSHT4	0,331	
CSVCKT2	0,272	
CSVCKT4		0,496
CLDVSP2		0,438
CSVCKT3		0,315
NNL6		0,507
NNL7		0,493

Nguồn: Kết quả khảo sát từ du khách năm 2020, n=155

Nhân tố 1 gồm 5 biến: NNL4 (Kiến thức về các điểm làng nghề của hướng dẫn viên tốt), NNL3 (Kiến thức và kỹ năng du lịch của người dân địa phương tốt), NNL5 (Phong cách phục vụ của hướng dẫn viên chuyên nghiệp), NNL2 (Sự sẵn sàng giúp đỡ của người dân địa phương) và NNL1 (Tính lịch sự, thân thiện của người dân địa phương). Nhân tố này được đặt tên là “Nguồn nhân lực”.

Nhân tố 2 gồm 4 biến: VSMT1 (Mức độ sạch sẽ của cơ sở sản xuất làng nghề), VSMT2 (Mức độ sạch sẽ của nhà vệ sinh công cộng), VSMT3 (Việc giữ gìn vệ sinh ở bãi đỗ xe điểm tham quan làng nghề) và VSMT (Việc bố trí đầy đủ thùng đựng rác ở điểm tham quan). Nhân tố này được đặt tên là “Vệ sinh môi trường”.

Nhân tố 3 gồm 5 biến: CLDVSP5 (Sự đảm bảo tốt về dịch vụ mua sắm tại làng nghề), CLDVSP4 (Sự hợp lý về giá cả sản phẩm làng nghề), CLDVSP6 (Được tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm ở làng nghề), CLDVSP3 (Sự hấp dẫn về mẫu mã của sản phẩm làng nghề) và CLDVSP1 (Sự độc đáo và đặc trưng của sản phẩm làng nghề). Nhân tố này được đặt tên là “Chất lượng dịch vụ và sản phẩm”.

Nhân tố 4 gồm 4 biến: ATAN3 (tình trạng ăn xin), ATAN2 (tình trạng thách giá du khách), ATAN1 (tình trạng chèo kéo) và ATAN4 (tình trạng trộm cắp). Nhân tố này được đặt tên là “An toàn và an ninh”.

Nhân tố 5 gồm 3 biến: CSHT2 (Chất lượng mặt đường đến điểm tham quan làng nghề tốt), CSHT1 (Mức độ rộng rãi của đường giao thông đến điểm tham quan làng nghề) và CSHT3 (Mức độ rộng rãi của bãi đỗ xe du lịch). Nhân tố này được đặt tên là “Cơ sở hạ tầng”.

Nhân tố 6 gồm 4 biến: CSVCKT1 (Mức độ đầy đủ của cơ sở ăn uống gần điểm tham quan làng nghề), CSHT5 (Mức độ đầy đủ của bảng chỉ dẫn vào điểm tham quan làng nghề), CSHT4 (Mức độ đầy đủ của nhà vệ sinh công cộng) và CSVCKT2 (Mức độ đầy đủ của cơ sở lưu trú gần điểm tham quan làng nghề). Nhân tố này được đặt tên là “Cơ sở vật chất kĩ thuật”.

Nhân tố 7 gồm 3 biến: CSVCKT4 (Cơ sở phục vụ dịch vụ bổ sung khác [trạm ATM, y tế, ngân hàng...] tại gần điểm tham quan làng nghề đảm bảo tốt), CLDVSP2 (Sự đa dạng của sản phẩm làng nghề) và CSVCKT3 (Mức độ đa dạng của cửa hàng mua sắm, quầy bán hàng lưu niệm). Nhân tố này được đặt tên là “Sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung”.

Nhân tố 8 bao gồm 2 biến: NNL6 (Sự sẵn sàng giúp đỡ của hướng dẫn viên) và NNL7 (Mức độ đầy đủ của thuyết minh viên tại làng nghề). Nhân tố này được đặt tên là “Sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết minh viên”.

Để khẳng định các nhân tố thực sự ảnh hưởng và cường độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng. Kết quả phân tích cho thấy R^2 hiệu chỉnh = 0,334, giá trị Sig. của phân tích phương sai = 0,000 và VIF của các nhân tố < 2, thỏa mãn điều kiện (Dinh, 2012).

Bảng hệ số (Bảng 4) cho thấy, có 8 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc là: F1 (“nguồn nhân lực”), F2 (“vệ sinh môi trường”), F3 (“chất lượng dịch vụ và sản phẩm”), F4 (“an toàn và an ninh”), F5 (“cơ sở hạ tầng”), F6 (“cơ sở vật chất kĩ thuật”), F7 (“sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung”) và F8 (“Sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết minh viên”). Phương trình hồi quy tuyến tính như sau: $Y = -6,092 + 0,288F1 + 0,253F2 + 0,233F4 + 0,202F7 + 0,197F5 + 0,154F3 + 0,139F6 + 0,100F8 + u_i$

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số (B)	Hệ số (Beta)	T	Sig.	VIF
Hằng số	- 6,092		0,000	1,000	
F1	0,288	0,288	4,263	0,000	1,000
F2	0,253	0,253	3,746	0,000	1,000
F3	0,154	0,154	2,281	0,000	1,000
F4	0,233	0,233	3,446	0,000	1,000
F5	0,197	0,197	2,915	0,000	1,000
F6	0,139	0,139	2,054	0,000	1,000
F7	0,202	0,202	2,993	0,000	1,000
F8	0,100	0,100	1,485	0,000	1,000

Nguồn: Kết quả khảo sát từ du khách năm 2020, n=155

F1 có hệ số là 0,288 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “nguồn nhân lực” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,288 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,288.

F2 có hệ số là 0,253 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “vệ sinh môi trường” tăng

thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,253 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,253.

F3 có hệ số là 0,154 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “chất lượng dịch vụ và sản phẩm” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,154 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,154.

F4 có hệ số là 0,233 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “an toàn và an ninh” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,233 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,233.

F5 có hệ số là 0,197 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “cơ sở hạ tầng” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,197 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,197.

F6 có hệ số là 0,139 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “cơ sở vật chất kỹ thuật” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,139 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,139.

F7 có hệ số là 0,202 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,202 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,202.

F8 có hệ số là 0,100 và quan hệ cùng chiều với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi du khách đánh giá nhân tố “sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết minh viên” tăng thêm 1 điểm thì sự phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc tăng thêm 0,100 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,100.

Kết quả này có nghĩa là “nguồn nhân lực” đóng vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tầm quan trọng của các nhân tố khác theo thứ tự giảm dần là “vệ sinh môi trường”, “an toàn và an ninh”, “sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung”, “cơ sở hạ tầng”, “chất lượng dịch vụ và sản phẩm”, “cơ sở vật chất kỹ thuật” và “sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết minh viên”.

2.2.2. Đánh giá sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc

Như vậy, việc phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc chịu ảnh hưởng bởi 8 nhân tố. Sau đây là đánh giá cụ thể của du khách đối với từng phương diện thuộc các nhân tố, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp được thiết thực hơn.

Nhân tố “nguồn nhân lực” tại làng nghề PVDL ở Phú Quốc được du khách đánh giá ở mức tốt ($M=3,89$). Theo đó, người dân địa phương thân thiện ($M=4,06$), kiến thức về làng nghề của hướng dẫn viên tốt ($M=3,88$), kiến thức và kỹ năng PVDL của người dân địa

phương tốt ($M=3,86$), người dân địa phương sẵn sàng giúp đỡ ($M=3,84$) và phong cách phục vụ chuyên nghiệp của hướng dẫn viên ($M=3,81$). Trong các phương diện này, phong cách phục vụ của hướng dẫn viên được đánh giá thấp nhất.

Nhân tố “vệ sinh môi trường” được du khách đánh giá tốt ($M=3,44$). Theo đó, các làng nghề PVDL ở Phú Quốc đã bố trí đầy đủ thùng rác ở điểm tham quan ($M=3,75$), giữ gìn tốt vệ sinh ở bãi đỗ xe tham quan ($M=3,46$). Tuy nhiên, bên cạnh những vấn đề vệ sinh được du khách đánh giá tốt thì mức độ sạch sẽ của cơ sở làng nghề và nhà vệ sinh công cộng chỉ bình thường (lần lượt là $M=3,38$, $M=3,18$). Do đó, để phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc thì cơ sở làng nghề và các cơ quan chức năng cần quan tâm đến hai vấn đề này.

Nhân tố “an toàn và an ninh” được du khách đánh giá bình thường ($M=3,32$). Tại các làng nghề PVDL ở Phú Quốc vẫn còn tình trạng trộm cắp, chèo kéo và thách giá du khách (lần lượt đánh giá trung bình là 3,38; 3,21 và 3,10). Tuy nhiên, công tác quản lý tình trạng ăn xin tốt ($M=3,57$). Để phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc, các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương cần quan tâm nhiều hơn đến việc quản tình trạng trộm cắp, chèo kéo và thách giá du khách.

Nhân tố “sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung” được du khách đánh giá tốt ($M=3,50$) với đầy đủ cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống và nhà vệ sinh công cộng (giá trị trung bình lần lượt là 3,72; 3,67 và 3,46). Tuy nhiên, tại các làng nghề PVDL ở Phú Quốc chưa có đầy đủ bảng chỉ dẫn vào tham quan ($M=3,14$). Vì vậy, cần quan tâm vấn đề này hơn trong việc phát triển làng nghề PVDL trong thời gian tới.

Nhân tố “cơ sở hạ tầng” ở làng nghề PVDL tại Phú Quốc được du khách đánh giá là bình thường ($M=3,32$) với đường giao thông đến điểm tham quan làng nghề chưa rộng rãi ($M=3,35$), bãi đỗ xe chưa rộng rãi ($M=3,34$) và chất lượng mặt đường đến điểm tham quan làng nghề còn kém ($M=3,28$). Vì vậy, để phát triển du lịch tại các làng nghề ở Phú Quốc cần chú trọng và quan tâm hơn đến vấn đề cơ sở hạ tầng.

Nhân tố “chất lượng dịch vụ và sản phẩm” được du khách đánh giá tốt ($M=3,77$). Các phương diện thuộc nhân tố này cũng được đánh giá ở mức tốt như mẫu mã sản phẩm của làng nghề hấp dẫn ($M=3,86$), du khách được tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm của làng nghề ($M=3,83$), giá cả sản phẩm hợp lí ($M=3,75$), có dịch vụ mua sắm tại làng nghề ($M=3,72$) và sản phẩm độc đáo và đặc trưng ($M=3,71$). Trong đó, khía cạnh độc đáo và đặc trưng của sản phẩm làng nghề được đánh giá thấp nhất.

Nhân tố “cơ sở vật chất kĩ thuật” được du khách đánh giá tốt ($M=3,60$). Tuy nhiên, bên cạnh mức độ đa dạng của cửa hàng mua sắm, quầy bán hàng lưu niệm ($M=3,87$) và cơ sở phục vụ dịch vụ bổ sung tại gần điểm tham quan làng nghề ($M=3,64$) được đánh giá tốt, thì sự đa dạng của sản phẩm làng nghề chỉ ở mức bình thường ($M=3,29$). Để việc phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc được tốt hơn cần quan tâm đến sự đa dạng của sản phẩm làng nghề.

Nhân tố “sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết minh viên” được du khách đánh giá tốt ($M=3,85$), thông qua hướng dẫn viên sẵn sàng giúp đỡ của hướng dẫn viên ($M=3,89$) và đầy đủ thuyết minh viên tại làng nghề ($M=3,81$). Trong đó, sự đầy đủ thuyết minh viên ở làng nghề được đánh giá thấp nhất.

2.2.3. Giải pháp phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc

Từ kết quả nghiên cứu trên, một số giải pháp được đề xuất nhằm phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới như sau:

(i) Vấn đề nguồn nhân lực là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc; chính vì vậy, cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cần quan tâm hơn đối với vấn đề này, cụ thể: thường xuyên mở lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho hướng dẫn viên du lịch, nhất là cập nhật về thông tin làng nghề; đồng thời, cần phải tập huấn và đào tạo thường xuyên về nghiệp vụ của hướng dẫn viên để tạo sự chuyên nghiệp trong mắt du khách, nhất là phong cách phục vụ ân cần, chu đáo, nhanh nhẹn... Ngoài ra, người dân địa phương tại làng nghề cũng cần được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng trong du lịch như cách giới thiệu cho du khách về làng nghề của mình, cách phục vụ và hướng dẫn khách vì chính họ là những người am hiểu nhất về làng nghề của mình, như vậy sẽ tạo được sức hấp dẫn đối với du khách. Không những thế, cần hướng dẫn người dân làm du lịch về kỹ năng chăm sóc khách hàng đối với từng nhóm khách, phải lịch sự, thân thiện trong giao tiếp để tạo được sự hài lòng với du khách và thu hút họ trở lại trong lần tiếp theo.

(ii) Vệ sinh môi trường là vấn đề luôn được đề cập trong sự phát triển du lịch ở Việt Nam nói chung và làng nghề PVDL nói riêng. Để phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc được tốt hơn thì các cơ sở sản xuất làng nghề cần giữ gìn vệ sinh nhiều hơn, cần thường xuyên dọn dẹp vệ sinh để khách có thể tham quan một cách thoải mái; các nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe ở làng nghề cần thường xuyên dọn dẹp, tránh tình trạng rác thải, đặc biệt tránh tình trạng có mùi ở các nhà vệ sinh; cần bố trí đầy đủ các thùng rác ở xung quanh khu vực làng nghề, thường xuyên đổ rác, tránh tình trạng du khách không biết để rác nơi đâu do thùng rác quá đầy; có các biển báo tuyên truyền về bảo vệ môi trường, xử lý phạt tiền đối với các trường hợp cố tình xả rác bừa bãi tại khu vực tham quan; cần có các đội tuần tra thường xuyên giám sát vấn đề vệ sinh tại các cơ sở làng nghề, nếu cơ sở nào đạt chuẩn thì sẽ được gắn nhãn hiệu liên quan đến môi trường xanh và xem xét khen thưởng hàng năm.

(iii) Vấn đề an toàn và an ninh tại các làng nghề ở Phú Quốc hiện nay tương đối ổn định; tuy nhiên, để phát triển làng nghề PVDL ở Phú Quốc thì cần chú trọng duy trì vấn đề này hơn nữa. Cần niêm yết giá hàng hóa, sản phẩm mua sắm cụ thể, tránh tình trạng thách giá khách; không chèo kéo khách hàng khi khách không mua. Đảm bảo an ninh cho du khách về tình trạng trộm cắp và ăn xin. Cần đặt các biển có số điện thoại đường dây nóng

để du khách có thể gọi và báo cáo tình trạng tiêu cực xảy ra như bán thách giá, có tình trạng trộm cắp hoặc cướp giật... để cơ quan chức năng kịp thời xử lý.

(iv) Cần nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm ở làng nghề thông qua việc đa dạng mẫu mã về sản phẩm để du khách có thể lựa chọn theo từng sở thích; ngoài ra, cần có nhiều mặt hàng với nhiều mức giá khác nhau để phù hợp với khả năng tài chính của từng đối tượng: khách lẻ, khách học sinh – sinh viên, khách thượng lưu... Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất làng nghề cần có nơi để du khách trải nghiệm quá trình sản xuất, vì đây là một trong những điều hấp dẫn và tạo nên sự thích thú đối với du khách khi đến các làng nghề.

(v) Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cần chú trọng việc nâng cao chất lượng mặt đường, mở rộng các tuyến đường giao thông đến các điểm tham quan làng nghề; mở rộng bãi đỗ xe ở các làng nghề để đảm bảo sức chứa các loại xe, có phân khu vực đậu xe đối các loại phương tiện khác nhau để tạo nên sự trật tự và thuận tiện.

(vi) Các dịch vụ bổ sung là một trong những dịch vụ không thể thiếu cho sự phát triển làng nghề PVDL, các dịch vụ bổ sung bao gồm trạm ATM, y tế, ngân hàng... cần được xây dựng và bố trí gần các làng nghề để đáp ứng được nhu cầu của khách tham quan. Bên cạnh đó, xung quanh làng nghề phải đầy đủ các cửa hàng mua sắm, quầy bán hàng lưu niệm. Các cửa hàng này cần bán sản phẩm đặc trưng của làng nghề nơi đó, nhưng cũng cần chú trọng đến sự đa dạng sản phẩm.

(vii) Cơ sở vật chất kĩ thuật cần được đầu tư đúng mức. Cần xây dựng và bố trí đầy đủ nhà vệ sinh công cộng để đảm bảo nhu cầu của du khách. Có các bảng chỉ dẫn vào các điểm tham quan làng nghề ở các ngã rẽ, các con đường vào làng nghề để du khách có thể dễ dàng tiếp cận, nhất là các khách lẻ. Ngoài ra, các bảng chỉ dẫn cần ghi song ngữ để dễ dàng cho các nhóm khách (tiếng Anh và tiếng Việt) hoặc thêm một số ngôn ngữ khác như tiếng Nga, tiếng Trung Quốc... Cần bố trí đầy đủ các cơ sở ăn uống và lưu trú gần các làng nghề. Có thể kinh doanh thêm ăn uống và lưu trú tại các làng nghề, đặc biệt là loại hình lưu trú homestay, vừa tiện lợi vừa tạo sự trải nghiệm mới lạ cho du khách khi khám phá văn hóa địa phương và tham gia sinh hoạt với người dân làng nghề.

3. Kết luận

Phát triển làng nghề PVDL là một trong những giải pháp duy trì và bảo tồn làng nghề cũng như góp phần hướng đến sự phát triển bền vững. Ngoài ra, du lịch làng nghề còn đem lại sự thích thú và hấp dẫn du khách, nhất là khách du lịch quốc tế khi đến một địa phương với nền văn hóa mới. Ở tỉnh Kiên Giang, việc gắn kết du lịch với các làng nghề được phát triển mạnh ở TP Phú Quốc với các làng nghề như làng nghề truyền thống làm nước mắm, làng nghề làm rượu sim, làng nghề trồng hồ tiêu, làng nghề nuôi ngọc trai.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 8 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề PVDL ở TP Phú Quốc, bao gồm “nguồn nhân lực”, “vệ sinh môi trường”, “an toàn và an ninh”, “sản phẩm làng nghề và dịch vụ bổ sung”, “cơ sở hạ tầng”, “chất lượng dịch vụ và sản phẩm”, “cơ sở vật chất kĩ thuật” và “sự giúp đỡ của hướng dẫn viên và đầy đủ thuyết

minh viên”. Trong đó, nhân tố “nguồn nhân lực” đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng mạnh nhất đối với sự phát triển làng nghề PVDL nơi đây. Những giải pháp được đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu này nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển các làng nghề PVDL ở Phú Quốc trong tương lai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Benson, W. (2014). *The Benefits of Tourism Handicraft Sales at Mwenge Gandicrafts Centre in Dar Es Salaam, Tanzania*. Tampere University of Applied Sciences (Finland): Bachelor's Thesis.
- Committee of Kien Giang Province (2012). *Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 [Decision No.441/QĐ-UBND approving the Master plan for tourism development in Kien Giang towards 2020 and orientation to 2030]*. Kien Giang province.
- Dinh, P. H. (2012). *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông nghiệp [Quantitative research methods and Practical studies in the economy of agricultural development]*. Ho Chi Minh City: Phuong Dong Publishing House.
- Hengky, S. H. (2015). Beneficial images: Batik handicraft tourism in Yogyakarta, Indonesia. *Business and Economic Research*, 5(1), 11-23.
- Hoang, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu với SPSS – Tập 1 [Data analysis by using SPSS - Episode 1]*. Ho Chi Minh City: Hong Duc Publishing House.
- Hoang, V. C., Phan, T. H. Y., & Le, T. T. H. (2008). *Làng nghề du lịch Việt Nam [Handicraft villages tourism in Vietnam]*. Hanoi: Statistical Publishing House.
- Institute for Tourism Development Research. (2019). *Tim hướng phát triển cho du lịch làng nghề Việt Nam [Direction in development to handicraft tourism in Vietnam]*. Retrieved from: <http://itdr.org.vn/tim-huong-phat-trien-cho-du-lich-lang-nghe-viet-nam/>
- Lam, P. (2018). *Hấp dẫn du lịch làng nghề ở Phú Quốc [The attraction of handicraft tourism in Phu Quoc]*. Retrieved from: <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/25658>
- Le, T. D. (2016). *Quan li nha nuoc ve du lich lang nghe o Ha Noi [Government management about handicraft tourism in Ha Noi]*. VNU University of Economics and business: Master thesis.
- Mai, V. N. (2013). *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề kết hợp du lịch ở Đông bang sông Cửu Long [Factors affecting the development of the handicraft villages combined with tourism in the Mekong Delta]*. *Journal of Economic Research*, (422), 62-69.
- Mustafa, M. (2011). Potential of Sustaining Handicrafts as a Tourism Product in Jordan. *International Journal of Business and Social Science*, 2(2), 145-152.
- Phan, H. X., & Vo, V. T. (2018). *Du lịch Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn [Vietnam Tourism from theory to practice]*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City General Publishing House.

- Prime Minister (2016). *Quyết định số 2227/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* [Decision No.2227/QĐ-TTg approving the Master plan for tourism development in the Mekong Delta region until 2020 with a vision to 2030]. Hanoi.
- Truong, T. T., & Ly, M. T. (2018). Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tại làng nghề dệt thoi cam của đồng bào Khmer ở xã Vạn Giao, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang [Potential, current situation and solutions to tourism development at brocade weaving craft village of Khmer ethnic in Vạn Giao commune, Tịnh Biên district, An Giang province]. *Cần Thơ University Journal of Science*, 54(4C), 137-147.
- UNWTO (2006). *Tourism and Handicrafts A Report on the International Conference on Tourism and Handicrafts*. Held in Tehran – Islamic Republic of Iran, from May 13th to 15th 2006.

FACTORS INFLUENCING THE HANDICRAFT DEVELOPMENT FOR TOURISM IN PHU QUOC CITY, KIEN GIANG PROVINCE

Truong Tri Thong

Faculty of Tourism, Kien Giang College, Vietnam

Corresponding author: Truong Tri Thong – Email: ttthong@kgc.edu.vn

Received: May 05, 2021; Revised: June 22, 2021; Accepted: July 21, 2021

ABSTRACT

In Phu Quoc city, Kien Giang province there are many unique handicraft villages suitable for the handicraft tourism development. It is necessary to identify factors affecting the effectiveness of the handicraft tourism. This is also the purpose of this study. The results indicated that there are eight factors influencing the handicraft development for tourism in Phu Quoc city: (1) humans; (2) environmental hygiene; (3) safety and security; (4) handicraft village products and additional services; (5) infrastructure; (6) product and service quality; (7) technical materials; and (8) tour guides' support and adequacy of on-site guides. Based on the study, some solutions are proposed to promote the handicraft development for tourism in Phu Quoc city in the future.

Keywords: Handicraft tourism; Kien Giang province; Phu Quoc city; traditional handicraft village